

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý an toàn giao thông đường sắt

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH11;
Căn cứ Luật Đường sắt ngày số 35/2005/QH11;
Căn cứ Nghị định 14/2015/NĐ-CP ngày 13/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Nghị định số 69/2015/NĐ-CP ngày 26/8/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04/8/2009 của Bộ GTVT quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ GTVT bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư 15/2009/TT-BGTVT;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về quản lý an toàn giao thông đường sắt”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Quy chế này thay thế cho những quy định trước đây về quản lý an toàn giao thông đường sắt.

Điều 3. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc các Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc TTDHVTĐS; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các Công ty: cổ phần vận tải đường sắt; cổ phần đường sắt, cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt; Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các doanh nghiệp khác và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GTVT (b/c);
- ĐU TCT ĐSVN (b/c);
- HĐTV, Ban TGD, KSV TCT;
- CĐ ĐSVN, ĐTN TCT;
- Lưu: VT, TTCN.



Trần Ngọc Thành

QUY CHẾ

Về quản lý an toàn giao thông đường sắt

*(Ban hành kèm quyết định số 743/QĐ-ĐS ngày 18 tháng 5 năm 2016 của
Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Công tác quản lý an toàn giao thông đường sắt (ATGTĐS).
- Công tác phối hợp cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố, tai nạn giao thông đường sắt (GTĐS).
- Công tác điều tra, phân tích sự cố, tai nạn.
- Khen thưởng và xử lý vi phạm.
- Công tác kiểm tra an toàn giao thông đường sắt.
- Chi phí giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đảm bảo an toàn, cứu nạn, cứu hộ trong hoạt động đường sắt trên mạng lưới đường sắt Quốc gia.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

1. Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (CN TCT) là các đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam (ĐSVN) gồm: các Chi nhánh Khai thác đường sắt, Chi nhánh ga Đồng Đăng (CN KTĐS) và các Chi nhánh đầu máy (CN ĐM);

2. Chi nhánh đầu máy (CN ĐM) gồm các Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội, Yên Viên, Vinh, Đà Nẵng, Sài Gòn.

3. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt là doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi và kinh doanh vận tải hàng hoá trên đường sắt.

4. Doanh nghiệp bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt: là doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thông qua hợp đồng đặt hàng với Công ty mẹ - Tổng công ty đường sắt Việt Nam (ĐSVN).

5. Doanh nghiệp sửa chữa đường sắt: là các đơn vị tham gia sửa chữa và xây dựng công trình đường sắt quốc gia thông qua hợp đồng giao thầu hoặc đấu thầu với chủ đầu tư.

6. Cứu nạn: là các hoạt động cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ, bao gồm cả các biện pháp y tế ban đầu, các biện pháp khác để đưa người bị nạn đến vị trí an toàn.

7. Cứu hộ: là hoạt động cứu chữa phương tiện giao thông, tài sản (đầu máy, toa xe, ô tô ...) đang bị nguy hiểm, vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; cứu chữa hư hỏng về kết cấu hạ tầng (cầu, đường, thông tin tín hiệu đường sắt) để khôi phục giao thông đường sắt đảm bảo an toàn.

8. Tai nạn giao thông đường sắt: là việc phương tiện giao thông đường sắt (PTGTĐS) xảy ra đâm nhau, trật bánh, đổ tàu, đâm, va vào người, phương tiện giao thông khác và ngược lại hoặc PTGTĐS đang hoạt động đâm, va vào chướng ngại vật gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản.

9. Sự cố giao thông đường sắt: là những vụ việc xảy ra trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt gây trở ngại đến chạy tàu nhưng chưa xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

10. Lực lượng cứu nạn, cứu hộ: là những người trong và ngoài ngành đường sắt được điều động hoặc tự nguyện đến hiện trường vụ tai nạn để tham gia cứu nạn, cứu hộ.

11. Phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ: là những phương tiện, thiết bị trong và ngoài ngành đường sắt tham gia công tác cứu nạn, cứu hộ.

12. Đơn vị quản lý lực lượng, phương tiện cứu hộ: là các đơn vị được giao quản lý phương tiện, trang thiết bị, lực lượng và tổ chức cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý an toàn giao thông đường sắt

1. An toàn giao thông đường sắt được Tổng công ty ĐSVN quản lý toàn diện theo hệ thống, thống nhất từ Tổng công ty đến các đơn vị cơ sở tham gia hoạt động đường sắt trên mạng lưới đường sắt quốc gia. Quản lý ATGTĐS vừa mang tính tập trung để điều hành giao thông vận tải đường sắt được an toàn, thông suốt nhưng được phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng, cụ thể đến từng đơn vị và cá nhân.

2. Thực hiện công tác ATGTĐS là thực hiện luật đường sắt, các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý nhà nước, các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến đảm bảo ATGTĐS của đơn vị và cá nhân.

3. Người đứng đầu, người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các đơn vị tham gia hoạt động trên đường sắt quốc gia phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty ĐSVN về công tác đảm bảo ATGTĐS; có trách nhiệm triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN; phân công, xây dựng hệ thống quản lý ATGTĐS của đơn vị và tổ chức cho người lao động thực hiện.

4. Các hợp đồng của Tổng công ty ĐSVN với các đối tác có các hoạt động trên đường sắt quốc gia đều phải có điều khoản giao kết trách nhiệm về đảm bảo ATGTĐS, các đối tác phải phối hợp và chịu sự phân công điều động của Tổng công ty ĐSVN trong công tác giải quyết sự cố tai nạn.

5. Khi sự cố, tai nạn xảy ra, các đơn vị có liên quan phải chấp hành sự phân công, điều động của Tổng công ty ĐSVN để giải quyết sự cố, tai nạn.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 4. Quản lý an toàn giao thông đường sắt

1. Hệ thống tổ chức quản lý ATGTĐS của Tổng công ty ĐSVN
2. Hướng dẫn công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS.
3. Cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt.
4. Điều tra sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.
5. Chế độ thống kê báo cáo về ATGTĐS.
6. Kinh phí phục vụ công tác đảm bảo ATGTĐS.
7. Khen thưởng và kỷ luật về ATGTĐS.

Điều 5. Hệ thống tổ chức quản lý an toàn giao thông đường sắt

Tổng công ty ĐSVN có hệ thống tổ chức quản lý ATGTĐS gồm: các Ban tham mưu, Trung tâm điều hành giao thông vận tải đường sắt (ĐHGTVTĐS), các Chi nhánh Tổng công ty, người đứng đầu, người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các đơn vị: các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt hoạt động trên đường sắt quốc gia; các doanh nghiệp tham gia hoạt động bảo trì, sửa chữa KCHTĐS.

Điều 6. Nhiệm vụ của Ban ATGTĐS

Ban ATGTĐS là cơ quan chuyên trách quản lý ATGTĐS, giúp Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS, cứu nạn, cứu hộ đường sắt. Trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo các đơn vị có hoạt động liên quan đến đảm bảo ATGTĐS, có nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện các văn bản pháp quy của nhà nước, các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến đảm bảo ATGTĐS; cứu nạn, cứu hộ GTĐS. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ATGTĐS.

2. Xây dựng nhiệm vụ, phương án, kế hoạch, biện pháp hằng năm của Tổng công ty ĐSVN về công tác phòng ngừa, ngăn chặn các sự cố, tai nạn GTĐS; cứu nạn, cứu hộ GTĐS. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, phương án, kế hoạch biện pháp đảm bảo ATGTĐS, cứu nạn, cứu hộ GTĐS đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện hướng dẫn kiểm tra, giám sát và phối hợp kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động: khai thác, bảo trì, sửa chữa, xây dựng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt, điều hành giao thông vận tải đường sắt và các lĩnh vực khác trong việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình tác nghiệp, công nghệ kỹ thuật khai thác đường sắt và các vấn đề khác liên quan đến ATGTĐŚ; công tác cứu nạn, cứu hộ GTĐŚ theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty ĐSVN. Được quyền quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động khi thấy những vi phạm thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, phương tiện vận tải đường sắt, máy móc thiết bị, con người của các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động đường sắt có nguy cơ uy hiếp trực tiếp đến ATGTĐŚ, an toàn lao động. Kịp thời thông báo cho đơn vị chủ quản và báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN xử lý.

4. Chủ trì phối hợp với các Ban thuộc Tổng công ty ĐSVN chỉ đạo các Chi nhánh KTĐŚ trong công tác tổ chức điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, công tác cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt; thẩm định hồ sơ và ra thông báo kết quả phân tích các vụ sự cố tai nạn; xác định, thẩm định chi phí do sự cố, tai nạn gây ra và phân khai trách nhiệm cho các tập thể, cá nhân có liên quan; tham mưu giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của các đơn vị về ATGTĐŚ.

5. Chỉ đạo, quản lý mạng lưới cứu nạn, cứu hộ của Tổng công ty ĐSVN. Thừa lệnh Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện phương án cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn GTĐŚ xảy ra.

6. Chỉ đạo, phối hợp với Chi nhánh KTĐŚ và các đơn vị có liên quan để làm việc với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác đảm bảo ATGTĐŚ, cứu nạn, cứu hộ đường sắt.

7. Chủ trì phối hợp với các Ban của Tổng công ty ĐSVN hoặc trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các Chi nhánh KTĐŚ, các đơn vị liên quan đến hoạt động đường sắt về nghiệp vụ ATGTĐŚ, công tác điều tra, phân tích, giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và cứu nạn, cứu hộ đường sắt.

8. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, phương tiện thông tin truyền thông tuyên truyền, giáo dục trong công tác đảm bảo ATGTĐŚ, cứu nạn, cứu hộ đường sắt.

9. Thống kê, theo dõi tình hình sự cố, tai nạn GTĐŚ hàng ngày, tháng, quý, năm. Tổng hợp tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát ATGTĐŚ; công tác cứu nạn, cứu hộ đường sắt; các vấn đề khác liên quan đến công tác đảm bảo ATGTĐŚ, cứu nạn, cứu hộ đường sắt của Tổng công ty. Hàng năm tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích về ATGTĐŚ, cứu nạn, cứu hộ đường sắt. Xây dựng kế hoạch, phương án nhằm giảm thiểu sự cố, tai nạn và hạn chế tổn thất do sự cố, tai nạn gây ra.

10. Phối hợp với các Ban của Tổng công ty tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty các văn bản liên quan đến tổ tụng gửi các cơ quan pháp luật, các cơ quan có liên quan để yêu cầu đòi bồi thường hoặc thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty khi có những sự cố, tai nạn giao thông đường sắt do tổ chức, cá nhân gây ra.

11. Trực tiếp hoặc chủ trì phối hợp với các ban chuyên môn của Tổng công ty kiểm tra các đơn vị trong việc thực hiện Luật đường sắt, các quy định của pháp luật và của Tổng công ty về công tác bảo đảm ATGTĐŚ, cứu nạn, cứu hộ đường sắt.

12. Thực hiện phân tích, xác định trách nhiệm, kiến nghị các hình thức khen thưởng; hình thức, biện pháp xử lý các vi phạm liên quan đến công tác ATGTĐS đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của Tổng công ty.

13. Được yêu cầu các bộ phận, đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các tài liệu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ được Tổng công ty giao.

14. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác đến công tác đảm bảo an toàn GTĐS khác khi Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN phân công.

Điều 7. Nhiệm vụ của các Ban Tổng công ty

1. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực được giao quản lý các Ban Tổng công ty chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện công tác đảm bảo ATGTĐS.

2. Đề xuất và xây dựng mới hoặc sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn, thông tư của các cấp có thẩm quyền liên quan đến hoạt động giao thông đường sắt. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ của ngành cho phù hợp với quy phạm pháp luật và thực tế nhằm đảm bảo ATGTĐS.

3. Căn cứ vào Luật đường sắt, các văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, ban hành các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ. Hướng dẫn kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện các văn bản kỹ thuật, nghiệp vụ đã ban hành.

4. Phối hợp với Ban ATGTĐS, các Chi nhánh KTĐS và các đơn vị liên quan tham gia cứu nạn, cứu hộ, điều tra, phân tích tìm nguyên nhân gây sự cố, tai nạn GTĐS, xác nhận khối lượng thiệt hại do sự cố, tai nạn gây ra. Xây dựng các biện pháp để phòng ngừa đảm bảo ATGTĐS.

5. Tham gia Hội đồng thẩm định thiệt hại do sự cố, tai nạn gây ra theo quy định. Phối hợp với Ban ATGTĐS tham mưu giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của các đơn vị về ATGTĐS.

6. Tham mưu giải quyết các vấn đề phát sinh về kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất. Đề xuất áp dụng quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật mới trong hoạt động giao thông đường sắt có liên quan đến công tác ATGTĐS.

7. Tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất các đơn vị trong việc thực hiện các văn bản kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Ban quản lý, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời không để phát sinh các sự cố kỹ thuật uy hiếp đến ATGTĐS hoặc gây sự cố, tai nạn GTĐS.

8. Tham mưu đưa các điều khoản giao kết trách nhiệm về đảm bảo ATGTĐS vào các hợp đồng của Tổng công ty ĐSVN với các đối tác có các hoạt động trên đường sắt quốc gia.

Điều 8. Nhiệm vụ của Chi nhánh KTĐS

1. Xây dựng bộ máy quản lý về ATGTĐS bao gồm lực lượng chuyên trách và bán chuyên trách cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Xây dựng các phương án huy động lực lượng, phương tiện thiết bị tổ chức cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ

tài sản và phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện chuyển tải hành khách, hàng hóa, điều tra, phân tích khi xảy ra sự cố, tai nạn trong phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Luật đường sắt, các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS cho CBCNV của đơn vị thực hiện.

3. Xây dựng, ban hành hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành các biện pháp phòng ngừa tai nạn GTĐS, triển khai và tổ chức thực hiện trong đơn vị.

4. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát về con người, phương tiện, thiết bị do đơn vị quản lý và chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo ATGTĐS của đơn vị mình. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về đảm bảo ATGTĐS của các Ban Tổng công ty ĐSVN.

5. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS của các tổ chức, cá nhân, phương tiện, thiết bị, hệ thống kết cấu hạ tầng của tất cả các đơn vị tham gia hoạt động đường sắt trong phạm vi quản lý. Được quyền quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động nếu phát hiện thấy những vi phạm thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, phương tiện vận tải đường sắt, máy móc thiết bị của các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động đường sắt có nguy cơ uy hiếp trực tiếp đến ATGTĐS, ATLD, thông báo cho đơn vị trực tiếp quản lý về các vi phạm phát hiện trong quá trình kiểm tra để xử lý, bổ cứu kịp thời và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

6. Là Chủ tịch hội đồng giải quyết tai nạn GTĐS, trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo Tổng công ty phương án cứu hộ, chủ trì công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan khi tổ chức cứu nạn, cứu hộ. Chủ trì tổ chức công tác bảo vệ hiện trường, điều tra, lập biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản khám nghiệm chuyên ngành liên quan đến sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi đơn vị quản lý theo quy định. Tổ chức phân tích quy trách nhiệm các sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi quản lý của đơn vị và phải chịu trách nhiệm trước Tổng công ty về toàn bộ kết luận này.

7. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác đảm bảo ATGTĐS. Được Tổng công ty giao nhiệm vụ là đại diện cho Tổng công ty ĐSVN làm việc với các cơ quan chức năng có liên quan để giải quyết sự cố, tai nạn GTĐS, xác định thiệt hại và thu hồi thiệt hại của các vụ sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi đơn vị quản lý theo quy định.

8. Tổng hợp, thống kê, báo cáo tình hình sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra trong phạm vi đơn vị quản lý.

Điều 9. Nhiệm vụ của các Chi nhánh đầu máy

1. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty ĐSVN về con người, phương tiện, thiết bị, công nghệ của đơn vị mình trong lĩnh vực hoạt động đường sắt có liên quan đến công tác ATGTĐS.

2. Xây dựng bộ máy quản lý về công tác ATGTĐS. Tổ chức triển khai thực hiện Luật đường sắt, các văn bản pháp quy của nhà nước và các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS cho CBCNV của đơn vị thực hiện.

3. Xây dựng ban hành hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành các biện pháp phòng ngừa tai nạn GTĐS, triển khai và tổ chức thực hiện trong đơn vị.

4. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát về con người, phương tiện, thiết bị, công nghệ do đơn vị quản lý đảm bảo ATGTĐS; chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo ATGTĐS của đơn vị mình. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về đảm bảo ATGTĐS của các Ban Tổng công ty ĐSVN. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chi nhánh KTĐS. Kịp thời phản ánh về Tổng công ty các vi phạm của các đơn vị khác về tình trạng gây mất ATGTĐS.

5. Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt khi có thay đổi quy trình công nghệ: sửa chữa, thay đổi kết cấu phương tiện giao thông đường sắt.

6. Xây dựng phương án về người, phương tiện thuộc quản lý của đơn vị phục vụ công tác giải quyết sự cố, tai nạn. Chịu sự phân công của Chủ tịch hội đồng giải quyết sự cố, tai nạn GTĐS khi có sự cố, tai nạn xảy ra.

7. Tổng hợp, thống kê, phân tích tình hình sự cố, tai nạn GTĐS thuộc trách nhiệm của đơn vị.

8. Phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện tốt công tác đảm bảo ATGTĐS.

Điều 10. Trách nhiệm của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty ĐSVN về con người, phương tiện, thiết bị, công nghệ của đơn vị mình trong lĩnh vực hoạt động đường sắt có liên quan đến công tác ATGTĐS.

2. Xây dựng bộ máy quản lý về công tác ATGTĐS. Tổ chức triển khai thực hiện Luật đường sắt, các văn bản pháp quy của nhà nước và các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS cho CBCNV của đơn vị thực hiện.

3. Xây dựng ban hành hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành các biện pháp phòng ngừa tai nạn GTĐS, triển khai và tổ chức thực hiện trong đơn vị.

4. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát về con người, phương tiện, thiết bị công nghệ do đơn vị quản lý trong công tác đảm bảo ATGTĐS; chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo ATGTĐS của đơn vị mình. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về đảm bảo ATGTĐS của các Ban Tổng công ty ĐSVN. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chi nhánh KTĐS. Kịp thời phản ánh về Tổng công ty các vi phạm của các đơn vị khác về tình trạng gây mất ATGTĐS.

5. Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt khi có thay đổi quy trình công nghệ: vận tải; sửa chữa, thay đổi kết cấu phương tiện giao thông đường sắt.

6. Có trách nhiệm thực hiện hợp đồng thường trực và tổ chức cứu hộ, cứu nạn GTĐS với Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN. Quản lý lực lượng, phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ GTĐS. Trực tiếp tổ chức hoặc chủ trì phối hợp với các đơn vị khác thực hiện cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra theo sự phân công của

Chủ tịch hội đồng giải quyết tai nạn GTĐS. Chủ động đầu tư phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ. Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án quản lý, huy động lực lượng, phương tiện phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ, chuyển tải hành khách, hàng hóa, bảo vệ tài sản khi xảy ra sự cố, tai nạn giao thông đường sắt thuộc phạm vi đơn vị quản lý theo chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN.

7. Tổng hợp, thống kê, phân tích tình hình sự cố, tai nạn GTĐS thuộc trách nhiệm của đơn vị.

8. Phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện tốt công tác đảm bảo ATGTĐS.

Điều 11. Trách nhiệm của các Công ty cổ phần đường sắt, các Công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty khi thực hiện các hợp đồng đặt hàng với Tổng công ty ĐSVN về thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ KCHT đường sắt có liên quan đến hoạt động của đường sắt Quốc gia phải tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty ĐSVN về con người, phương tiện, thiết bị, kết cấu hạ tầng, công nghệ của đơn vị mình trong lĩnh vực hoạt động đường sắt có liên quan đến công tác ATGTĐS.

2. Xây dựng bộ máy quản lý về công tác ATGTĐS. Tổ chức triển khai thực hiện Luật đường sắt, các văn bản pháp quy của nhà nước và các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS cho CBCNV của đơn vị thực hiện.

3. Lập hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình đường sắt để đáp ứng được mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu của công tác bảo trì KCHT có bao gồm công tác quản lý ATGTĐS.

4. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát về con người, phương tiện, thiết bị, kết cấu hạ tầng, công nghệ do đơn vị quản lý đảm bảo ATGTĐS; chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo ATGTĐS của đơn vị mình. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về đảm bảo ATGTĐS của các Ban Tổng công ty ĐSVN. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chi nhánh KTĐS.

5. Xây dựng phương án về lực lượng, phương tiện thuộc quản lý của đơn vị phục vụ công tác giải quyết sự cố, tai nạn. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác cứu nạn, cứu hộ và khôi phục giao thông đường sắt khi sự cố, tai nạn xảy ra.

6. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về đảm bảo ATGTĐS đối với các điểm thi công thuộc phạm vi doanh nghiệp được hợp đồng quản lý.

7. Tổ chức thống kê, phân tích tình hình sự cố, tai nạn GTĐS thuộc trách nhiệm của đơn vị.

8. Phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện tốt công tác đảm bảo ATGTĐS.

9. Phối hợp với các đơn vị liên quan khôi phục giao thông đường sắt khi có tai nạn xảy ra.

Điều 12. Trách nhiệm của các doanh nghiệp thi công sửa chữa công trình đường sắt

Khi thực hiện các hợp đồng với Tổng công ty ĐSVN về sửa chữa, xây dựng đường sắt liên quan đến hoạt động của đường sắt Quốc gia các doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Chỉ được phép tổ chức thi công khi được các cấp có thẩm quyền cấp giấy phép thi công, phê duyệt phương án tổ chức thi công và thực hiện đúng các thủ tục quy định về việc mở điểm thi công chạy chậm, phong tỏa khu gian.

2. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty ĐSVN về con người, phương tiện, thiết bị, công nghệ của đơn vị mình trong lĩnh vực hoạt động đường sắt có liên quan đến công tác ATGTĐS.

3. Các doanh nghiệp thi công sửa chữa định kỳ công trình đường sắt phải lập hệ thống quản lý chất lượng theo quy định hiện hành phù hợp với yêu cầu, tính chất và quy mô sửa chữa công trình có bao gồm quản lý ATGTĐS.

4. Tổ chức triển khai các văn bản pháp quy của nhà nước và các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS cho người lao động của đơn vị thực hiện.

5. Xây dựng phương án về người, phương tiện thuộc quản lý của đơn vị phục vụ công tác giải quyết sự cố, tai nạn tại địa bàn thi công.

6. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát về con người, phương tiện, thiết bị công nghệ, địa bàn thi công do đơn vị quản lý đảm bảo ATGTĐS; chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo ATGTĐS của đơn vị mình. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về đảm bảo ATGTĐS của các Ban Tổng công ty ĐSVN; kiểm tra, giám sát của Chi nhánh KTĐS và phải chấp hành ngay các yêu cầu để đảm bảo ATGTĐS của các đoàn kiểm tra. Trong trường hợp bị đình chỉ thi công do gây mất ATGTĐS đơn vị chỉ được phép tiếp tục thi công khi có xác nhận đã thực hiện các biện pháp đảm bảo ATGTĐS theo quy định.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác cứu nạn, cứu hộ và khôi phục giao thông đường sắt khi có yêu cầu của Chủ tịch hội đồng giải quyết tai nạn.

Điều 13. Nhiệm vụ Trung tâm ĐHGTVTĐS

1. Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp quy của nhà nước và các văn bản quản lý kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN liên quan đến lĩnh vực đảm bảo ATGTĐS cho người lao động của đơn vị.

2. Xây dựng ban hành hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành các biện pháp phòng ngừa tai nạn GTĐS, triển khai và tổ chức thực hiện trong đơn vị.

3. Trực tiếp tổ chức kiểm tra, giám sát người lao động do đơn vị quản lý trong công tác điều hành vận tải. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về công tác đảm bảo ATGTĐS của các Ban Tổng công ty ĐSVN.

4. Hàng ngày trước 08 giờ tổng hợp tình hình sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra trên toàn mạng lưới đường sắt của ngày hôm trước (từ 06 giờ hôm trước đến 06 giờ ngày báo cáo), báo cáo Tổng công ty qua Ban ATGTĐS.

5. Tổng Giám đốc Tổng công ty ĐSVN ủy quyền Lãnh đạo Trung tâm ĐHGTVTĐS trực tiếp phát lệnh điều động các lực lượng cứu nạn, cứu hộ đến hiện trường quyết sự cố, tai nạn GTĐS sau khi thống nhất phương án với Ban An toàn giao thông ĐS.

Điều 14. Kiểm tra đảm bảo ATGTĐS.

1. Kiểm tra đảm bảo ATGTĐS nhằm phát hiện ra các tồn tại, các nguy cơ gây mất an toàn yêu cầu các đơn vị liên quan đưa ra các biện pháp khắc phục và xử lý vi phạm theo quy định.

2. Người thực hiện công tác kiểm tra ATGTĐS: phải có Thẻ kiểm tra do Tổng công ty ĐSVN cấp và thực hiện nội dung kiểm tra theo quy định của Tổng công ty ĐSVN; khi kiểm tra phải có biên bản kiểm tra hoặc ghi sổ kiểm tra của đơn vị và chịu trách nhiệm về các nội dung kiểm tra.

3. Trong quá trình kiểm tra phát hiện các tình huống uy hiếp đến ATGTĐS, an toàn lao động thì cán bộ kiểm tra có quyền tạm thời đình chỉ hoạt động của người, phương tiện, thiết bị và báo cáo với lãnh đạo trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Kịp thời thông báo cho đơn vị chủ quản và báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN xử lý.

4. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm ban hành quy định cụ thể về kiểm tra ATGTĐS.

Điều 15. Phối hợp cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

1. Tùy vào mức độ của sự cố, tai nạn có thể điều động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị trong ngành hoặc thuê ngoài. Căn cứ tình hình sự cố, tai nạn, Chủ tịch hội đồng giải quyết tai nạn phải thống nhất với đại diện các đơn vị liên quan tại hiện trường đề xuất phương án để Ban ATGTĐS và TTĐHGTVTĐS tham mưu phương án huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực cho phù hợp.

2. Công ty cổ phần VTĐS Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức cứu nạn, cứu hộ trên các tuyến đường sắt từ cột hiệu phía Bắc của ga Hải Vân Bắc trở ra phía Bắc. Công ty cổ phần VTĐS Sài Gòn chịu trách nhiệm tổ chức cứu nạn, cứu hộ trên các tuyến đường sắt từ cột hiệu phía Bắc của Ga Hải Vân Bắc trở vào phía Nam. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN căn cứ năng lực của các Công ty cổ phần VTĐS để ký hợp đồng trách nhiệm thường trực và tổ chức cứu hộ, cứu nạn GTĐS.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định điều động, bố trí phương tiện, thiết bị hiện có hoặc huy động thêm các lực lượng bên ngoài đáp ứng yêu cầu công tác cứu nạn, cứu hộ.

4. Khi phát hiện có sự cố, tai nạn, cá nhân hoặc tổ chức phát hiện phải tổ chức phòng vệ và tìm biện pháp báo tin cho ga gần nhất. Khi nhận được tin báo sự cố, tai

nạn, các chức danh TBCT ga, điều độ chạy tàu của Trung tâm ĐHTGVTĐS, Trưởng ga phải báo tin cho các chức danh liên quan theo quy định.

5. Sau khi nhận được mệnh lệnh, các đơn vị phải khẩn trương lên đường làm nhiệm vụ, thời gian tối đa phải xuất phát tính từ khi nhận được mệnh lệnh như sau:

- Trong giờ làm việc: 20 phút.

- Ngoài giờ làm việc: 30 phút.

6. Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn là người có quyền cao nhất điều hành tại hiện trường, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan tham gia phối hợp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng và có trách nhiệm sử dụng lực lượng và phương tiện của đơn vị mình để hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất.

7. Khi có tai nạn trật bánh PTGTĐS hoặc tai nạn chạy tàu gây bế tắc chính tuyến phải tổ chức cứu viện, lãnh đạo các đơn vị bắt buộc phải có mặt tại hiện trường để tham gia Hội đồng giải quyết tai nạn (trừ Trung tâm ĐHTGVTĐS) gồm: Chi nhánh KTĐS, ga hai đầu khu gian, Phân ban QLCSHTĐS khu vực, Công ty CPĐS, đơn vị trực tiếp quản lý lực lượng, phương tiện, thiết bị cứu hộ, đơn vị quản lý PTGTĐS bị tai nạn (trừ đơn vị quản lý toa xe vận dụng khác khu vực), Công ty CP TTHTĐS (khi tai nạn làm hư hỏng thiết bị thông tin tín hiệu); Doanh nghiệp thi công sửa chữa, xây dựng đường sắt (nếu xảy ra trong khu vực đang thi công).

8. Khi xảy ra tai nạn đổ tàu, tai nạn có nhiều người chết, bị thương hoặc bị gián đoạn chạy tàu phải chuyển tải hành khách thì ngoài thành phần quy định trên tùy tình hình cụ thể Lãnh đạo Tổng công ty sẽ cử các Ban chuyên môn đến hiện trường tham gia giải quyết.

9. Căn cứ vào tính chất vụ tai nạn Tổng Công ty sẽ cử Lãnh đạo trực tiếp đến hiện trường để chỉ đạo.

10. Tại hiện trường, phải ưu tiên cứu chữa ngay người bị nạn (trong trường hợp xảy ra tai nạn liên quan đến con người), bảo vệ hiện trường, tài sản, sau đó tổ chức cứu chữa giải phóng phương tiện lập lại giao thông đường sắt.

11. Các đơn vị liên quan khi đến hiện trường phối hợp với Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn để thống nhất phương án giải quyết và tổ chức cứu chữa để đảm bảo thông đường nhanh nhất.

12. Ban ATGTĐS và các Ban Tổng công ty khi đến hiện trường phối hợp, chỉ đạo Chi nhánh KTĐS và các đơn vị liên quan giải quyết sự cố, tai nạn; tổ chức lập biên bản, hồ sơ sự cố, tai nạn làm căn cứ tổ chức phân tích sự cố, tai nạn.

13. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm ban hành quy định cụ thể công tác phối hợp cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố, tai nạn GTĐS.

Điều 16. Điều tra sự cố, tai nạn

1. Tất cả các vụ sự cố, tai nạn đều phải được điều tra để phân tích tìm nguyên nhân, quy kết trách nhiệm.

Đối với sự cố, tai nạn chỉ liên quan đến một đơn vị thì đơn vị tự tổ chức điều tra phục vụ việc phân tích tìm nguyên nhân, quy trách nhiệm và chịu trách nhiệm về việc điều tra của đơn vị mình.

2. Quá trình điều tra phải đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, trung thực, khách quan, chính xác và khoa học.

3. Đơn vị, cá nhân thực hiện công tác điều tra, lập hồ sơ phải chịu trách nhiệm về công tác điều tra, chất lượng hồ sơ, tính trung thực, chính xác để phục vụ tổ chức phân tích quy trách nhiệm.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến sự cố, tai nạn khi được cơ quan điều tra yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, nhân chứng, vật chứng phải chấp hành, tạo điều kiện làm việc và có trách nhiệm tham gia lập hồ sơ vụ tai nạn khi có yêu cầu.

5. Các tổ chức, cá nhân đều phải có trách nhiệm bảo vệ nguyên vẹn hiện trường theo quy định. Không được tự ý sửa chữa hoặc làm xáo trộn hiện trường khi chưa được sự đồng ý của cơ quan điều tra. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân nào sửa chữa hoặc làm xáo trộn hiện trường, tạo hiện trường giả gây khó khăn cho công tác điều tra thì tổ chức, cá nhân đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về vụ tai nạn.

6. Lập hồ sơ sự cố, tai nạn:

Hồ sơ vụ tai nạn gồm: biên bản ban đầu, biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản khám nghiệm chuyên ngành liên quan đến sự cố, tai nạn (khám nghiệm kết cấu hạ tầng, khám nghiệm phương tiện, thiết bị, kiểm tra tốc độ đầu máy, kiểm tra tải trọng...), biên bản xác định thiệt hại của phương tiện, thiết bị bị hư hỏng do sự cố, tai nạn gây ra, các báo cáo của các cá nhân, đơn vị liên quan theo quy định.

- Biên bản ban đầu do Trưởng ga (hoặc Trục ban chạy tàu ga), Trưởng tàu, Lái tàu (nếu đoàn tàu không có trưởng tàu) có mặt tại hiện trường phối hợp với các đơn vị có mặt tại hiện trường lập.

- Biên bản khám nghiệm hiện trường, các biên bản khám nghiệm chuyên ngành liên quan đến sự cố, tai nạn (khám nghiệm kết cấu hạ tầng, khám nghiệm phương tiện, thiết bị, kiểm tra tốc độ đầu máy, kiểm tra tải trọng...), biên bản xác định thiệt hại của phương tiện, thiết bị bị hư hỏng do sự cố, tai nạn gây ra do Chi nhánh KTĐS chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đến sự cố, tai nạn có mặt tại hiện trường lập.

Điều 17. Phân tích tìm nguyên nhân, quy trách nhiệm

1. Tổng công ty ĐSVN giao nhiệm vụ cho Giám đốc Chi nhánh KTĐS làm chủ tịch Hội đồng phân tích tìm nguyên nhân, quy trách nhiệm các vụ sự cố, tai nạn GTĐS trong khu vực được phân quản lý. Hội đồng phân tích bao gồm Chủ tịch hội đồng, đại diện các Ban chuyên môn liên quan của Tổng công ty, lãnh đạo phòng quản lý an toàn sở tại, tùy thuộc vào tính chất vụ tai nạn để mời đại diện Cục đường sắt tham gia hội đồng phân tích. Thành phần tham gia Hội nghị phân tích bao gồm Hội đồng phân tích, các cá nhân, đơn vị có liên quan.

2. Trước khi tổ chức phân tích các thành viên trong Hội đồng phân tích phải tập hợp và nghiên cứu kỹ hồ sơ của vụ tai nạn. Quá trình nghiên cứu nếu xét thấy cần làm

rõ thêm thì triệu tập tổ chức, cá nhân liên quan đến để làm rõ, nếu đã xác định được nguyên nhân thì đề xuất tổ chức họp phân tích. Nếu thấy chưa xác định được rõ nguyên nhân thì báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN để mời các chuyên gia đầu ngành thuộc các lĩnh vực liên quan tổ chức họp để lấy ý kiến tư vấn về chuyên môn trước khi mở hội nghị phân tích.

3. Nguyên tắc phân tích tìm nguyên nhân, quy trách nhiệm được căn cứ vào kết quả điều tra có sai phạm so với các quy chuẩn, quy trình, quy định hiện hành của từng đối tượng liên quan đến vụ tai nạn. Căn cứ vào mức độ sai phạm của từng đối tượng để quy trách nhiệm cho từng cá nhân đơn vị.

4. Kết luận của Hội đồng phân tích được gửi về Tổng công ty (qua Ban ATGTĐS), Ban ATGTĐS có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và ra thông báo kết quả cho các đơn vị liên quan biết để thực hiện, đồng thời thông báo rộng rãi cho các đơn vị trong toàn ngành để xây dựng các biện pháp phòng ngừa. Ban ATGTĐS có trách nhiệm tiếp nhận và phối hợp với các Ban chuyên môn của Tổng công ty tham mưu trả lời kiến nghị của các đơn vị.

5. Hồ sơ vụ tai nạn sau khi các đơn vị thực hiện theo thông báo kết luận được lưu trữ theo quy định.

6. Trường hợp bất khả kháng không tìm ra được nguyên nhân gây ra sự cố, tai nạn Ban ATGTĐS xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng công ty để giải quyết.

7. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm ban hành quy định cụ thể công tác điều tra phân tích tìm nguyên nhân, quy trách nhiệm sự cố, tai nạn GTĐS.

Điều 18. Chế độ thông kê, báo cáo công tác ATGTĐS

1. Tất cả các sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi được giao quản lý đều phải được thông kê kịp thời đầy đủ. Thông tin về sự cố, tai nạn được gửi về TTĐHGTVTĐS trước 08 giờ hằng ngày.

2. Hằng ngày trước 08g30' TTĐHGTVTĐS tổng hợp tình hình sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra trên toàn mạng lưới đường sắt của ngày hôm trước (từ 06 giờ hôm trước đến 06 giờ ngày báo cáo), báo cáo Tổng công ty qua Ban ATGTĐS.

3. Định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm các Chi nhánh Tổng công ty; TTĐHGTVTĐS; các doanh nghiệp: kinh doanh vận tải, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt phải báo cáo tình hình sự cố, tai nạn GTĐS, công tác đảm bảo ATGTĐS về Ban ATGTĐS. Báo cáo tập trung vào các nội dung sau:

- Thời điểm lập báo cáo: Báo cáo tháng tính từ ngày 25 tháng trước đến hết 24 tháng sau; báo cáo quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm thực hiện cùng với báo cáo tháng cuối mỗi quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm.

- Đánh giá công tác đảm bảo ATGTĐS của đơn vị;

- Phân tích nguyên nhân các tồn tại và biện pháp khắc phục;

- Chế độ kiểm tra và công tác xử lý sau kiểm tra (số lần kiểm tra, số lượng biên bản kiểm tra, số lượng trường hợp bị xử lý sau kiểm tra...);

- Các giải pháp đảm bảo ATGTĐS và kiến nghị nếu có;
 - Thời gian gửi báo cáo: Tất cả các báo cáo được gửi về Tổng công ty (qua Ban ATGTĐS) trước ngày 30 hàng tháng.
 - Hình thức báo cáo: bằng văn bản, qua hệ thống quản lý văn bản của Tổng công ty ĐSVN và email;
4. Ngoài báo cáo định kỳ các đơn vị thực hiện báo cáo ngay khi có tai nạn đột xuất xảy ra trên địa bàn được giao quản lý (hợp đồng quản lý) hoặc khi có yêu cầu của Tổng công ty ĐSVN.
5. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc nhận được Thông báo kết luận nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn, các đơn vị phải xử lý và báo cáo kết quả xử lý về Ban ATGTĐS.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ VÀ CHI PHÍ ĐẢM BẢO ATGTĐS

Điều 19. Nguồn kinh phí thực hiện đảm bảo ATGTĐS

1. Nguồn ngân sách nhà nước;
2. Nguồn kinh phí trích từ SXKD của Tổng công ty ĐSVN;
3. Nguồn thu từ các đơn vị, cá nhân đền bù khi để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt;
4. Nguồn tài trợ;
5. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 20. Chi phí thực hiện đảm bảo ATGTĐS

1. Chi phí thường xuyên cho công tác đảm bảo ATGTĐS gồm: học tập, tập huấn, hội thảo, tuyên truyền và mua sắm các dụng cụ, công cụ phục vụ công tác đảm bảo ATGTĐS.

2. Chi phí giải quyết hậu quả sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

- Chi phí cho hoạt động cứu nạn được thực hiện theo Thông tư 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa.

- Chi phí cho hoạt động cứu hộ: Chi phí cho lực lượng, phương tiện cứu hộ trong ngành, ngoài ngành.

- Chi phí khôi phục giao thông đường sắt: Chi phí khôi phục hệ thống KCHT đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt về trạng thái trước khi xảy ra sự cố, tai nạn.

- Sau khi giải quyết tai nạn, sự cố các đơn vị được huy động tham gia cứu nạn, cứu hộ và khôi phục giao thông đường sắt tập hợp hồ sơ chi phí báo cáo cấp có thẩm quyền để được giải quyết.

3. Thu hồi công nợ và thanh quyết toán:

- Thu hồi thiệt hại do sự cố, tai nạn gây ra theo nguyên tắc tổ chức, cá nhân gây ra sự cố, tai nạn GTĐS có trách nhiệm đền bù toàn bộ thiệt hại do sự cố, tai nạn GTĐS gây ra.

- Trường hợp sự cố, tai nạn bất khả kháng không tìm ra được nguyên nhân, không quy được trách nhiệm bồi thường thì kinh phí khắc phục sự cố, tai nạn gây ra do đơn vị quản lý tài sản tự chi trả.

4. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm ban hành quy định về xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại do sự cố, tai nạn GTĐS gây ra.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Khen thưởng

Các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác đảm bảo ATGTĐS sẽ được khen thưởng theo quy định của Tổng công ty ĐSVN.

Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm ban hành quy định cụ thể về công tác khen thưởng trong công tác đảm bảo ATGTĐS.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân để xảy ra sự cố, tai nạn phải chịu trách nhiệm khắc phục thiệt hại do sự cố, tai nạn gây ra theo quy định của pháp luật và kết quả phân tích của Tổng công ty ĐSVN.

Người đứng đầu các đơn vị trong Tổng công ty ĐSVN, người đại diện phần vốn của Tổng công ty ĐSVN tại các Công ty cổ phần nếu đơn vị để xảy ra mất an toàn thì bị xử lý theo quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu do Tổng công ty ĐSVN ban hành.

Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm ban hành quy định cụ thể về xử lý vi phạm liên quan đến sự cố, tai nạn GTĐS.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Những nội dung chưa được quy định trong văn bản này được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 24. Tổ chức triển khai thực hiện

Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN căn cứ các nội dung quy định tại quyết định này tổ chức bộ máy, ban hành các quy định cụ thể liên quan để điều hành công tác ATGTĐS.

Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức cho cán bộ công nhân viên học tập và thực hiện những quy định trong văn bản này, đồng thời xây dựng những quy định cụ thể để áp dụng cho phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất của đơn vị mình.

Trong quá trình thực hiện nếu có điểm nào chưa phù hợp, các đơn vị tập hợp ý kiến gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban ATGTĐS) để xem xét điều chỉnh, sửa đổi./.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thành

